

GIÁO DỤC ĐẠI HỌC GẮN VỚI YÊU CẦU THỰC TIỄN ĐẤT NƯỚC MỘT TRONG NHỮNG ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC ASEAN

Ngô Minh Oanh*

Sự phát triển vượt bậc của các nước Đông Nam Á trong những thập niên vừa qua đã thu hút sự chú ý của thế giới và là mối quan tâm của các nhà nghiên cứu. Những thành tựu về kinh tế - xã hội đạt hoàn toàn không phải ngẫu nhiên mà có nhiều nguyên nhân thúc đẩy, trong đó có vai trò to lớn của giáo dục - đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Trong ba yếu tố cơ bản tác động đến sự tăng trưởng kinh tế lâu dài là vốn con người, vốn vật chất, và mức độ mở cửa của nền kinh tế thì nguồn vốn con người đã thực sự được coi trọng. Nhận thức sâu sắc vấn đề này chính phủ các nước ASEAN coi giáo dục đào tạo là "quốc sách" vì giáo dục đào tạo là nơi cung cấp cho đất nước nguồn nhân lực dồi dào là động lực quan trọng thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Trong chiến lược phát triển giáo dục, các nước đã đề ra được một kế hoạch phát triển gắn liền và đi trước một bước kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Chính phủ các nước đã giành một ngân sách thích đáng cho giáo dục. Ngân sách cho giáo dục thường xuyên tăng, trong giai đoạn 1991 - 1995, tỉ lệ chi phí cho giáo dục trong tổng chi phí ngân sách ở Thái Lan là 21,3%, ở Xingapo là 21%, ở Malai xia là 20,4%... Chính sự đầu tư cao cho giáo dục đã làm cho giáo dục không chỉ "sống" được mà còn phát triển để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Ở Singapore nền giáo dục đại học đã hình thành từ những năm đầu thế kỉ XX, nhưng phải đến thập niên 70 giáo dục đại học mới phát triển mạnh mẽ phục vụ đắc lực cho phát triển đất nước. Hệ thống các trường đại học thành một mạng lưới phân bố đều khắp đất nước với đa dạng các loại hình và ngành nghề đào tạo. Các trường đại học công chiếm tỉ lệ cao trong mạng lưới các trường đại học. Nhà nước tài trợ cho các trường đại học tư và cho phép mở các trường đại học nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của con em người nước ngoài đang làm việc ở đây. Vào những năm 80 khi đất nước đặt ra yêu cầu cải tổ lại cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiện đại hoá nền công nghệ thì giáo dục đào tạo đã đặt yêu cầu trọng điểm của nhà nước là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và kĩ năng cao. Kế hoạch phát triển giáo dục không phải do Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo mà là do Bộ Công nghiệp và Thương mại soạn thảo nhằm cân đối nguồn nhân lực theo nhu cầu của đất nước. Những biện pháp cải cách khác gắn liền với đòi hỏi của thực tiễn đất nước như tăng cường giảng dạy ngoại ngữ, tin học, các môn khoa học tự nhiên và khoa học ứng dụng và chính xác. Tăng cường giáo dục văn hóa phương Đông và Khổng giáo trong các trường đại học nhằm hạn chế chủ nghĩa cá nhân, nâng cao tính tập thể và kỉ luật. Từ năm 1984, Singapore chính thức đưa môn Khổng giáo thành môn luận lí trong các trường. Đạo đức Khổng giáo được chuyển thành những nội dung mới như lòng trung thành, bổn phận và trách nhiệm của công dân với tổ quốc, của cá nhân với cộng đồng... Cơ cấu sinh viên giữa các ngành kĩ thuật, kinh doanh và máy tính cũng có sự thay đổi với tỉ lệ so sánh là 25% và 10%. Chương trình đào tạo và phát triển kĩ năng chủ yếu nhằm đẩy mạnh ngành công nghệ thông tin qua các tổ chức đào tạo kinh doanh và kĩ thuật phần mềm, trợ giúp đào tạo cho các trường học, máy tính hóa ngành dân sự và thành lập mạng lưới thông tin quốc tế. Chính phủ còn cho phép các trường đại học trong nước hợp tác với các trường đại học nước ngoài như Anh và Ôxtrâyliat trong đào tạo. Vì thế, chất lượng giáo dục ở các trường đại học này rất cao và trở thành trung tâm đào tạo quốc tế. Nhà nước còn khuyến khích học sinh đi du học bằng kinh phí nhà nước, tự túc, và các nguồn tài trợ của nước ngoài. Chỉ tính trong thời gian từ 1988 - 1993, tỉ lệ sinh viên du học ở nước ngoài so với tổng số sinh viên trong nước là 25%.

Giáo dục đại học ở Thái Lan hình thành từ năm 1917 và phát triển mạnh vào những năm 60 - 70. Hiện Thái Lan có 24 trường đại học công lập và 41 trường tư thực, riêng ở Băng Cốc đã chiếm một nửa số trường đại học.

Từ năm 1958 giáo dục đã thay đổi hoàn toàn phương hướng đáp ứng chiến lược do chính phủ đưa ra nhằm đẩy nhanh sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trường Đại học sư phạm, tất cả các trường, viện đại học đều mở rộng phạm vi hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn và trực thuộc văn phòng phủ thủ tướng để có sự chỉ đạo điều hành và phối hợp chặt chẽ hơn. Chính phủ Thái Lan luôn chú ý đến phát triển các trường đại học ở những vùng kinh tế xa thủ đô để đáp ứng nhu cầu tại chỗ về cán bộ. Năm 1964 chính phủ thành lập Trường đại học Chiêngmai thuộc vùng Bắc Thái, năm 1965 thành lập Trường đại học Khonkaen, vùng Đông Bắc Thái và năm 1968 Viện đại học Hoàng tử Song Kla với hai cơ sở ở Song Kla với Pattani thuộc vùng Nam Thái Lan cũng được thành lập. Ngoài

* PGS.TS, Trưởng khoa Lịch sử, Đại học Sư Phạm Tp. HCM

ra để đáp ứng nhu cầu học tập rất lớn của nhân dân, chính phủ Thái lan quyết định thành lập Viện đại học mở RamKhamhaeng (1971) với quy mô ban đầu lên đến 37.000 sinh viên. Việc thành lập Viện Đại học mở góp phần tạo cơ hội bình đẳng cho mọi tầng lớp thanh niên Thái.

Từ năm 1967 đến nay các trường đại học ở Thái Lan đã thực hiện một số biện pháp tuyển sinh như tổ chức kì thi liên kết của tất cả các trường đại học công lập và dân lập trong cả nước do Bộ Giáo Dục Thái Lan tổ chức vào tháng tư hàng năm, còn các trường đại học khu vực thì tổ chức một kì thi riêng nhằm mở rộng cơ hội vào đại học cho những sinh viên thiệt thòi ở vùng khó khăn. Hiện nay Thái Lan đang thực hiện tuyển sinh bằng phương pháp trắc nghiệm. Chính phủ đã phê chuẩn và thành lập một Văn phòng trắc nghiệm trung tâm trực thuộc Bộ Đại học để đảm nhiệm công việc này.

Nền giáo dục Thái lan từ chỗ chỉ đào tạo đội ngũ công chức cung cấp cho bộ máy hành chính đã chuyển sang gắn đào tạo gắn với nhu cầu xã hội, hòa nhập và phục vụ yêu cầu phát triển của đất nước.

Ở Malaysia, bên cạnh hệ thống các trường đại học, năm 1972, Chính phủ còn thành lập một Hội đồng tư vấn đại học để tư vấn cho chính phủ về mạng lưới các trường, xem xét chương trình đào tạo, giáo trình trong các trường đại học khác nhau để tránh những trường hợp trùng lặp gây lãng phí. Đặc biệt là Hội đồng còn có nhiệm vụ xem xét cân đối giữa nhu cầu thực tế với khả năng đào tạo của các trường, Viện để nhân lực đào tạo ra không quá xa rời với thực tiễn, đồng thời tránh lãng phí. Hoạt động của Hội đồng tư vấn đại học đã giúp các Trường, Viện đại học có điều kiện liên kết với nhau vì lợi ích quốc gia chứ không vì mục đích cục bộ, tự phát.

Nếu như trước năm 1990, hệ thống giáo dục đào tạo được nhà nước quản lí theo chỉ tiêu sắc tộc, người bản địa Mãlai được ưu tiên chiếm tới 64% sĩ số sinh viên trong các trường đại học thì từ năm 1991 chính sách ưu tiên theo sắc tộc được giảm dần để thay vào đó là chính sách mở rộng hệ thống giáo dục cho nhiều tầng lớp, cho phép các loại hình trường đại học (trường công, trường tư và trường nước ngoài) được tự do cạnh tranh để nâng cao chất lượng, đáp ứng với tình hình mới. So với giáo dục ở bậc trung học, giáo dục đại học phát triển nhanh chóng, ngân sách phân bổ cho giáo dục bậc cao cũng được ưu tiên thích đáng. Tỷ lệ cơ cấu giữa các ngành học khoa học công nghệ - kĩ thuật và khoa học nhân văn trong các trường đại học là 80%.

Ở Indonesia, giáo dục đại học bắt đầu phát triển từ những năm 40, đến những năm 70 đã có một hệ thống đại học gồm 241 trường, trong đó có 41 trường công, 200 trường tư với tổng số 250.000 sinh viên. Hệ thống các trường đại học ở Indonesia có nhiều loại hình khác nhau như đại học tổng hợp, học viện, trường cao cấp, viện hàn lâm ... Do những đặc điểm về tôn giáo, sắc tộc, ngôn ngữ nên hệ thống giáo dục nói chung và hệ thống giáo dục đại học nói riêng do nhiều cấp quản lí. Bên cạnh chức năng quản lí trực tiếp của Bộ Giáo dục – Văn hóa, hệ thống giáo dục đào tạo ở Indônêxia còn nằm dưới sự quản lí của Bộ quan hệ tôn giáo và Bộ đào tạo nghề nghiệp. Indônêxia là một trong những nước mạnh dạn xây dựng các trường đại học gắn với những ngành mới, hiện đại. Nhằm khắc phục cơ cấu ngành nghề đào tạo còn mất cân đối, Indônêxia cho xây dựng mới 6 trường đại học nhằm đáp ứng cán bộ cho những ngành còn thiếu như tự động hóa, máy tính điện tử, khoa học kinh tế biển, kĩ thuật vận tải biển ...

Hệ thống các trường đại học đều chịu dưới sự thanh tra và kiểm tra nhiều mặt của nhà nước. Không chỉ công tác quản lí sinh viên được vi tính hóa mà từ thập kỉ 80 mạng lưới máy tính liên trường cũng được hình thành để hỗ trợ công tác quản lí và điều hành trong giáo dục đại học.

Ở các nước ASEAN, tuy mỗi nước có hình thức và bước đi khác nhau trong giáo dục đại học nhưng đều có những nét giống nhau: Đó là sự thích ứng nhanh chóng với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Các loại trường, ngành nghề luôn phát triển đa dạng và thường xuyên đổi mới về cơ cấu và công tác quản lí.

Về mục tiêu giáo dục đại học có sự thay đổi mang tính cách mạng: từ một nền giáo dục “tháp ngà” phục vụ giới thượng lưu đã chuyển thành một nền giáo dục đại chúng, bồi dưỡng nhân tài, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển. Chương trình giáo dục gắn liền với sản xuất và đời sống, đào tạo gắn liền với việc làm, giáo dục gắn với phát triển, đưa sinh viên vào các hoạt động thực tế để thích nghi với môi trường xã hội. Nội dung chương trình hướng vào các ngành khoa học phục vụ công nghiệp hóa đất nước, các ngành công nghệ mũi nhọn, chú trọng đào tạo nhân tài về khoa học kĩ thuật, thương mại và quản lí nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Về hình thức đào tạo, các nước đang tiến hành đa dạng hóa giáo dục đại học với xu hướng hình thành giáo dục đại học nhiều bậc với cơ chế mềm dẻo, dễ chuyển đổi. Các loại hình trường được sắp xếp lại cho phù hợp với nhu cầu vùng, ngành và đối tượng theo học.

Các nước khuyến khích và huy động nhiều lực lượng trong xã hội tham gia hoạt động giáo dục đào tạo như động viên tư nhân tham gia lập kế hoạch, xây dựng chương trình và bỏ vốn vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Khuyến khích các doanh nghiệp bỏ vốn tự bỏ tiền đào tạo nhân lực cho mình.

Với phương châm coi giáo dục là quốc sách, là điểm đột phá vì vậy các nước đã đầu tư mạnh cho giáo dục, điều đó đã mang lại hệ quả vô cùng to lớn. Chỉ mới đây thôi còn là những nước nông nghiệp lạc hậu với tỷ lệ dân số sống dưới mức nghèo khổ ở Indônêxia là 58%, ở Thái Lan 59%, ở Malaixia 37%, ở Xingapo 31% ... đã trở thành các nước công nghiệp mới (NIC). Theo số liệu của UNDP, cứ 1000 người dân Xingapo thì có 2,2 nhà khoa học và kĩ thuật, tỉ lệ này ở Malaysia là 0,1, ở Thái lan và Indônêxia là 0,2. Nếu như giáo dục trung học chủ yếu trang bị những kiến thức mang nặng tính lí thuyết thì giáo dục bậc cao trang bị các kĩ năng nghề nghiệp. Các nước ASEAN đều có Quỹ phát triển tài năng do chính phủ thành lập nhằm đem lại lợi ích cho người lao động về việc làm và tiền lương. Nền giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng đã góp phần tạo nên thể chất, nhân cách, khả năng tư duy và năng suất cho người lao động. Năng suất lao động và tiền lương không ngừng tăng lên kéo theo thu nhập đầu người tăng lên. Năm 1997 nếu như GDP bình quân đầu người của Nhật Bản 23.440 USD và của Hàn Quốc 12.390 USD thì GDP bình quân đầu người của các nước ASEAN là: Singapore 24.610 USD, Malaysia 9.835 USD, Thái Lan 8.165 USD, Indônêxia 4.140 USD ... Đây là bằng chứng cho thấy hiệu quả của nền giáo dục cao và có chất lượng mang lại.

Với những nỗ lực bền bỉ của các nước ASEAN trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được bù đắp một cách xứng đáng. Những nước này đã có một hệ thống giáo dục rộng khắp, hiện đại với nhiều trường, viện, trung tâm nghiên cứu nổi tiếng. Giáo dục đã nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực giàu trí tuệ sáng tạo đáp ứng và trở thành động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

1. Các nước Đông Nam Á – Lịch sử và hiện tại, NXB ST, HN, 1990.
2. Các nước ASEAN. Ban KHXH tp. HCM - NXB TTLL, 1991.
3. Giáo dục của các nước đang phát triển ở Châu Á – thực trạng – xu thế phát triển – triển vọng. Nguyễn Thế Hùng lược thuật. Thông tin KHGD số 14/1988.
4. Hoa Hữu Lân – Trần Lan Hương. Chính sách giáo dục đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ở các nước ASEAN... T/c Nghiên cứu ĐNA số 4/1998.
5. Trần Thị Vinh. Giáo dục đại học ở một số nước Đông Nam Á : Thực trạng và xu thế phát triển. T/C NC VN – ĐNA, Số 2/1994.
6. Nguyễn Hoàng Giáp. Giáo dục và Đào tạo bí quyết thành công ở Xingapo, T/C VN – ĐNA Ngày nay, Số 7/1998.